

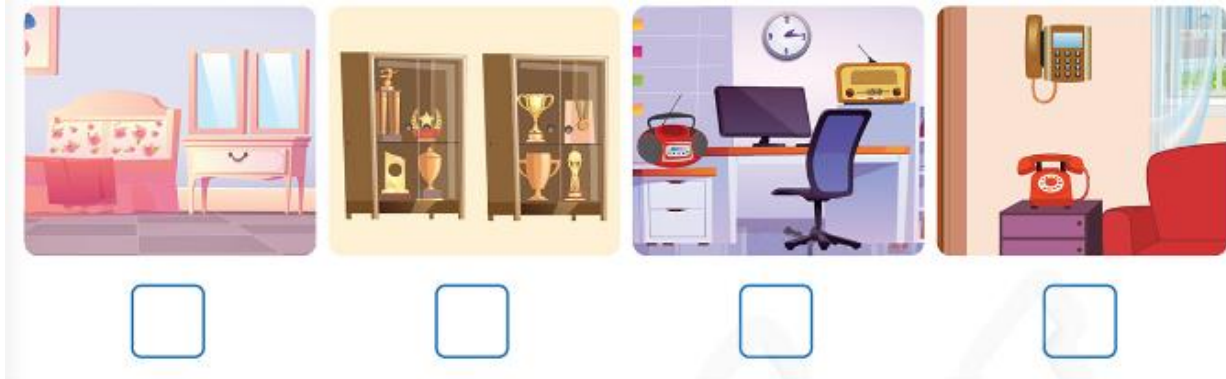
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 – ĐỀ 3
MÔN: TIẾNG ANH 3 PHONICS SMART



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

A. LISTENING

Listen and number.



B. VOCABULARY & GRAMMAR

I. Odd one out.

1.

- A. coconut
- B. meat
- C. watermelon
- D. pear

2.

- A. classmate
- B. father
- C. grandmother
- D. sister

3.

- A. long
- B. face
- C. short
- D. big

4.

- A. table
- B. mirror
- C. phone
- D. purple

5.

- A. dining room
- B. house
- C. bathroom
- D. kitchen

II. Circle ONE unnecessary word in each sentence.

1. I not like grapes.
2. I haven't got any some trains.
3. Has is she got a round face?
4. There are six rooms in under my house.
- 5 Is there any a mirror in your room?

III. Look and read. Choose True or False.



1.
There are a lot of pears.
- A. True
 - B. False



2.
He has got a big body.
- A. True
 - B. False



3.
There is a camera.
- A. True
 - B. False



4. There are four rooms in my house.

- A. True
- B. False



5. The cat is in the box.

- A. True
- B. False

IV. Make sentences.

1. I/ not/ got/ balloons.

_____.

2. There/ books/ under/ table

_____.

3. Is/ cupboard/ in/ your room

_____?

4. She/ got/ oval face

_____.

-----THE END-----

ĐÁP ÁN

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

A. LISTENING

Listen and number.



3



1



4



2

B. VOCABULARY & GRAMMAR**I. Odd one out.**

1. B	2. A	3. B	4. D	5. B
------	------	------	------	------

II. Circle ONE unnecessary word in each sentence.

1. not	2. some	3. is	4. under	5. a
--------	---------	-------	----------	------

III. Look and read. Choose True or False. BABAA

1. B	2. A	3. B	4. A	5. A
------	------	------	------	------

IV. Make sentences.

- I haven't got any balloons.
- There are books under the table.
- Is there a cupboard in your room?
- She has got an oval face.

LỜI GIẢI CHI TIẾT**A. LISTENING**

Listen and number. (Nghe và đánh số.)

Bài nghe:

1. Is there a bookcase in your room? (Có 1 cái tủ sách trong phòng cậu đúng không?)

No, there isn't. There are cupboards in my room. (Không. Có vài cái tủ đựng đồ trong phòng mình cơ.)

2. Wow! There are phones in your room. (Ồ! Có nhiều điện thoại ở trong phòng của cậu thật đó.)

Right! (Đúng vậy.)

3. Oh, there are mirrors in your room. (Ồ có vài chiếc gương ở trong phòng của cậu.)

Yes, I like mirrors. (Đúng vậy, mình rất thích gương.)

4. Is there a computer in your room? (Có 1 chiếc máy vi tính trong phòng của cậu đúng không?)

Yes, there is. And there are radios. (Đúng rồi. Và có vài cái đài nữa.)

B. VOCABULARY & GRAMMAR**I. Odd one out.**

1. B

coconut (n): quả dừa

meat (n): thịt

watermelon (n): quả dưa hấu

pear (n): quả lê

Giải thích: Đáp án B là thịt, trong khi những phương án còn lại đều là các loại hoa quả.

2. A

classmate (n): bạn cùng lớp

father (n): bố

grandmother (n): ông nội/ngoại

sister (n): chị/em gái

Giải thích: Đáp án A không phải là danh từ chỉ người thân như những phương án còn lại.

3. B

long (adj): dài

face (n): khuôn mặt

short (adj): ngắn

big (adj): to, lớn

Giải thích: Đáp án B là danh từ trong khi những phương án còn lại đều là tính từ.

4. D

table (n): cái bàn

mirror (n): cái gương

phone (n): điện thoại

purple (adj): màu tím

Giải thích: Đáp án D là tính từ trong khi những phương án còn lại đều là danh từ.

5. B

dining room (n): phòng ăn

house (n): ngôi nhà

bathroom (n): phòng tắm

kitchen (n): nhà bếp

Giải thích: Đáp án B là danh từ mang tính chung, bao quát hơn những phương án còn lại.

II. Circle ONE unnecessary word in each sentence.

(Khoanh tròn MỘT từ không cần thiết trong mỗi câu sau.)

1. I **not** like grapes.

Cấu trúc nói mình thích cái gì đó:

I like + danh từ.

Sửa: I like grapes. (Mình thích nho.)

2. I haven't got any **some** trains.

Đây là câu phủ định nên chúng ta dùng "any" chứ không phải "some".

Sửa: I haven't got any trains. (Mình không có chiếc tàu hỏa nào cả.)

3. Has **is** she got a round face?

Cấu trúc hỏi về ngoại hình của ai đó:

Has + she/he + got + (a) + danh từ?

Sửa: Has she got a round face?

(Cô ấy có gương mặt tròn không?)

4. There are six rooms in **under** my house.

Câu trúc nói có mấy căn phòng trong ngôi nhà của mình:

There are + số đếm + rooms + in my house.

Sửa: There are six rooms in my house.

(Có sáu căn phòng trong ngôi nhà của mình.)

5. Is there **any** a mirror in your room?

Vì danh từ “mirror” trong câu này đang ở dạng số ít nên ta không thể dùng “any” trong câu được.

Sửa: Is there a mirror in your room?

(Có một chiếc gương trong phòng của bạn có phải không?)

III. Look and read. Choose True or False.

(Quan sát và đọc. Chọn Đúng hoặc Sai.)

1. There are a lot of pears. (Có rất nhiều quả lê.)

=> **False**

Sửa: There are some pears. (Có một vài quả lê.)

2. He has got a big body.

(Ông ấy có một thân hình to lớn.)

=> **True**

3. There is a camera.

(Có một chiếc máy ảnh.)

=> **False**

Sửa: There isn't a camera.

(Không có chiếc máy ảnh nào cả.)

4. There are four rooms in my house.

(Có 4 căn phòng trong ngôi nhà của mình.)

=> **True**

5. The cat is in the box.

(Chú mèo đang ở trong cái hộp.)

=> **True**

IV. Make sentences. (Viết câu.)

1. I haven't got any balloons.

(Mình không có quả bóng bay nào cả.)

2. There are books under the table.

(Có vài quyển sách dưới cái bàn.)

3. Is there a cupboard in your room?

(Có một chiếc tủ đựng đồ trong phòng của cậu phải không?)

4. She has got an oval face.

(Cô ấy có gương mặt trái xoan.)

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

hay.